TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2019/HC-PT
Ngày 14 - 5 - 2019
V/v khởi kiện Quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lí số: 399/2018/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "*Khởi kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2878/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần D, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Đường V, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Trụ sở: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: Ông Nguyễn Tuấn C, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố H;

Người đai diện theo ủy quyền: Ông Doãn Quốc H, chức vụ: Phó Chủ tịch

UBND thành phố H (văn bản ủy quyền số: 872/QĐ-UBND ngày 04/4/2018); ông Hoàn có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Đường V, phường Q, thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Năn 2013 ông Trần D làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSD) đất đối với thửa đất ông đang sử dụng, UBND thành phố H đã ra 11 công văn với nội dung giao, yêu cầu, khẩn trương chấm dứt, có thời hạn để cơ quan chuyên môn hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông D; ngày 04/12/2014 UBND thành phố H tổ chức đối thoại và ngày 12/12/2014 UBND thành phố H ra thông báo số 498; ông D nhiều lần có đơn đề nghị UBND thành phố thực hiện thông báo số 498, nhưng sự việc chưa được giải quyết.

Ngày 27/11/2017, UBND thành phố H, tỉnh Hưng Yên ban hành công văn số: 1558/UBND-TNMT (sau đây gọi tắt là Công văn 1558) giao Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và UBND phường Q đo đạc ranh giới nhà đất hai nhà là tường xây nhà ông D1, đây là ranh giới không đúng với Quyết định số 07 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên. Không đồng ý với Công văn số 1558, ông Trần D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân hủy Công văn số 1558, buộc UBND thành phố H thực hiện đúng Thông báo số 498 ngày 12/12/2014 và Công văn số 530 ngày 24/5/2014 của UBND thành phố H.

** Người khởi kiện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Năm 1972, ông D được Công ty bán lẻ Hưng Yên chuyển nhượng cho 02 gian nhà trên đất Vọng Cung, hiện gia đình ông đang ở. Năm 1980 UBND thị xã Hưng Yên yêu cầu ông trả ra hơn 04m đất và ông Nguyễn Hữu D1 đã xin được, đến cuối năm 1980 ông D1 xây nhà có sang xin nhờ phần móng của ông, nên tường phía tây nhà ông D1 không có móng; năm 1998 hai gia đình xẩy ra tranh chấp, ngày 15/6/1996 Phòng địa chính thị xã Hưng Yên ra Thông báo kết luận số 25/TB-DC, sau đó ông D1 khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, ngày 24/8/1998 Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên ra Quyết định số 07 công nhận mốc giới của hai gia đình, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, ông đã nhận và thực hiện nội dung Quyết định số 07, ông Dũng cũng đã nhận và xây nhà trong; vậy góc phía Tây bắc nhà trong của ông D1 là điểm 2 trong Quyết định số 07.

Năm 2013, ông làm đơn xin cấp GCNQSD đất, UBND thành phố H đã ra 11 Công văn; đến ngày 27/11/2017 UBND thành phố H ban hành Công văn số 1558/UBND-TNMT giao Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và UBND phường Q đo đạc theo ranh giới hai nhà là tường xây nhà ông D1, đây là ranh giới trái ngược với Quyết định số 07. Vì, theo Quyết định số 07 thì ranh giới hai nhà gồm 03 điểm, còn Công văn số 1558 thì ranh giới hai nhà lại có 04 điểm; theo nội dung Quyết định số 07 tường ranh giới là tường phía nhà ông D1 chứ không phải là tường nhà ông D1. Theo ông thì đất ranh giới nhà ông phải nằm trong tường nhà ông D1 bằng 5,8cm về phía Nam, còn phía Bắc bằng 0 nên ông D mất đi diện tích đất khoảng 0,5m^2. Khi Tòa án thị xã Hưng Yên ban hành Quyết định số 07, ông đã tự thi hành tháo dỡ phần móng ông D1 đã nhận xây lên nhà trong. Vậy, góc Tây bắc nhà ông D1 phải là điểm 2 của Quyết định số 07. Hơn nữa Công văn số 1558 nêu kết quả xác minh không đúng sự thật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

** Người bị kiện là UBND thành phố H (do ông Doãn Quốc H, Phó chủ tịch UBND là đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Công văn số 1558 là văn bản trả lời đơn đề nghị của ông Trần D liên quan đến việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông D, cụ thể: Năm 1998 Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và ban hành Quyết định số 07 ngày 24/8/1998 giữa ông Trần D và ông Nguyễn Hữu D1; theo Quyết định số 07 thì ranh giới sử dụng đất giữa hai hộ gia đình ông D và ông D1 được xác định bởi 03 điểm:

Điểm 1 là góc phía Tây bắc, là phần mé ngoài tường của gia đình ông D1.

Điểm 2 là góc phía Tây nam, giáp tường hậu nhà trên của ông D1, cách thân tường nhà ông D là 5,8cm, cách mặt nền nhà ông D1 50cm.

Điểm 3 là mốc cuối cùng ở vị trí phía Tây nam hết thửa đất, tường ranh giới giữa hai gia đình là tường phía nhà ông D1 khi gia đình ông D1 xây dựng.

Quyết định này đã được Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Hưng Yên thi hành và bàn giao mốc giới sử dụng đất cho các hộ gia đình. Sau khi thi hành án, tháng 10/2013 ông D có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 07 của Tòa án. Tuy nhiên, ông Trần D cho rằng phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông theo Quyết định số 07 có "điểm 2" chiếm vào tường nhà ông D1 là 5,8cm, còn ông D1 cho rằng mốc giới đúng như hiện trạng các bên đang sử

dụng. Vì lý do trên nên cơ quan có thẩm quyền chưa thể cấp GCNQSD đất cho hộ ông D. Để có căn cứ trả lời đơn của công dân và xem xét cấp GCQSD đất cho hộ ông D, ông D1; UBND thành phố H đã giao Phòng Tài nguyên môi trường chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố xác minh, làm việc với các đơn vị, cá nhân liên quan khi ban hành Quyết định số 07 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên và việc thi hành án của Cơ quan thi hành án. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Tòa án nhân dân thành phố H cung cấp liên quan đến ban hành Quyết định số 07 và tài liệu của đơn vị, cá nhân có liên quan đã xác định được: Ranh giới sử dụng đất giữa hai hộ ông Trần D và ông Nguyễn Hữu D1 được thể hiện trong quyết định số 07 tại "Điểm 2" là tường xây nhà ông Nguyễn Hữu D1; phần diện tích ông D1 hiện trạng đang sử dụng phù hợp với các mốc giới theo Quyết định số 07, cũng như mốc giới Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Hưng Yên đã bàn giao cho các hộ trong quá trình thi hành án. Việc ông Trần D cho rằng một trong 3 điểm mốc, "Điểm 2" phải nằm sâu trong phần tường nhà ông D1 hiện đang sử dụng là không có cơ sở và việc ông D đề nghị cấp GCNQSD đất theo mốc giới này là không có căn cứ và trái ngược với kết quả xác minh tại các cơ quan, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp trước đây. Trên cơ sở đó UBND thành phố đã giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố chủ trì, phối hợp với UBND phường Q tiến hành trích đo hiện trạng sử dụng đất của ông D, ông D1 theo mốc giới đã được xác minh; hoàn thiện hồ sơ, trình UBND thành phố xem xét cấp GCNQSD đất lần đầu đối với hộ ông Trần D và Nguyễn Hữu D1. UBND thành phố H ban hành Công văn số 1558 là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Trần D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D1 trình bày:*

Năm 1979 ông mua lại ngôi nhà của ông Trần D trên mảnh đất công, năm 1980 ông D xây dựng nhà cấp 4, trước khi xây có trao đổi với gia đình ông không xây được móng lệch, nếu xây móng cân thì giữa hai nhà sẽ có khoảng trống nên ông D sẽ gia cố phần móng sang phần đất nhà ông D1, sau này nếu ông D1 làm nhà có móng sẵn để xây tường chồng lên. Năm 1981 được UBND thị xã Hưng Yên cấp GCNQSD đất, tổng diện tích là 99m^2 (dài 22m, rộng 4,5m).

Năm 1996, ông D cho rằng gia đình ông lấn đất nhà ông D ở phần móng chìm nên đã khiếu kiện và đã nhiều lần được các cơ quan chức năng thị xã Hưng Yên hòa giải nhưng không được, nên ông D khởi kiện ra Tòa án. Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên đã thụ lý giải quyết, tổ chức hòa giải và hai gia đình đã thống nhất được với nhau, nên Tòa án đã ra Quyết định số 07 ngày 24/8/1998 công

nhận thỏa thuận mốc giới của hai gia đình. Năm 1998 gia đình ông làm nhà theo đúng mốc giới theo biên bản hòa giải thành và Quyết định số 07. Tuy nhiên, đến năm 2000 ông D phá nhà cấp 4 xây nhà kiên cố, khi xây tầng 2 ông D xây một hàng gạch vỉa đè lên mái nhà ông, nên ông đã khởi kiện yêu cầu ông D phải tháo dỡ hàng gạch trên. Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã xét xử phúc thẩm đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và đã được Cơ quan thi hành án tổ chức thi hành xong. Tuy nhiên, đến năm 2010, Tòa án nhân dân tối cao xử giám đốc thẩm đã hủy cả hai bản án giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại, nhưng sau đó vụ án đã được đình chỉ.

Đối với Công văn số 1558 của UBND thành phố H gửi ông Trần D ông không biết và không nhận được. Nhưng ranh giới sử dụng đất giữa hai gia đình đã xây kín từ phía Bắc xuống phía Nam và các công trình sử dụng ổn định, bình thường. Nay ông D khởi kiện Công văn 1558 và cho rằng về mốc giới giáp ranh tại điểm 2 theo Quyết định 07 nằm về phía tường nhà ông 5,8cm, việc này đã được Tòa án giải quyết, đất nhà ông D không hề thiếu, ngược lại còn thừa. Do đó, ông hoàn toàn không đồng ý với quan điểm của ông D; ông đồng ý với cách giải quyết của UBND thành phố H tại Công văn số 1558 và luôn hợp tác với các cơ quan nhà nước để hoàn thành việc cấp GCNQSD đất cho các hộ. Việc ông D khởi kiện Công văn số 1558 ông không có ý kiến gì và chấp hành các cách giải quyết của cơ quan nhà nước theo đúng quy định pháp luật.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 7; Điều 22; Điều 98; Điều 105 Luật đất đai năm 2013; các Điều 30, 32, 38; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Bác đơn khởi kiện của ông Trần D yêu cầu hủy Công văn số: 1558/UBND-TNMT ngày 27/11/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết đơn đề nghị của Công dân xin cấp GCNQSD đất. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2018 ông Trần D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên, đề nghị xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Trần D giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như tại phiên tòa sơ thẩm và cho rằng: Theo Quyết định số 07 thì ranh giới giữa hai gia đình chỉ là 03 điểm, nhưng nếu theo như Công văn số 1558 thì phải là 04 điểm và giữa hai

nhà có khe hở là không đúng. Vì vậy, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại, chấp nhận đơn khởi kiện của ông, hủy Công văn số 1558 của UBND thành phố H; buộc UBND thành phố H thực hiện theo Công văn số 498/TB-UBND ngày 12/12/2014 của UBND thành phố H.

- Đại diện người bị kiện vắng mặt, nhưng có ý kiến là giữ nguyên ý kiến như tại cấp sơ thẩm và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như tại phiên tòa sơ thẩm; cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của ông Trong.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông D kháng cáo yêu cầu tuyên hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công văn số 1558/UBND-TNMT ngày 27/11/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Hưng Yên trong việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đây là quyết định hành chính của UBND cấp huyện nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân cấp tỉnh; ông D làm đơn khởi kiện trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lí, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố H vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Ngày 24/8/1998, Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên ban hành Quyết định số 07 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa ông Trần D và ông Nguyễn Hữu D1 về vụ án giải quyết tranh chấp đất đai. Căn cứ Quyết định số 07 Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Hưng Yên đã tổ chức thi hành xong, cả hai gia đình đã làm nhà kiên cố ở ổn định; Năm 2013 ông Trần D có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 07. Do hiện trạng mốc giới sử dụng đất của hai hộ gia đình đã có sự thay đổi so với thời điểm ban hành Quyết định số 07 và thời điểm bàn giao mốc giới của Cơ quan thi hành án, nên UBND thành phố H đã chỉ đạo giao Phòng Tài nguyên môi trường, Thanh tra thành phố tiến hành xác minh, thu thập tài liệu liên quan trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và Cơ quan thi hành án tiến hành thi hành Quyết định số 07 của Tòa án. Trên cơ sở kết quả xác minh thu thập được, UBND thành phố đã ban hành công văn số 1558. Như vậy, Công văn 1558 ban hành đúng trình tự pháp luật quy định.

Theo ông Trần D, căn cứ nội dung Quyết định số 07 thì điểm 2 trong quyết định phải nằm trong phần tường của nhà ông Nguyễn Hữu D1 5,8cm. Tuy nhiên, đối chiếu nội dung Quyết định số 07 và các tài liệu thu thập được thấy rằng: Điểm 2 là góc phía Tây nam, giáp tường hậu nhà ông D1, cách thân tường nhà ông D 5,8cm, cách mặt nền nhà ông D1 50cm. Nội dung này phù hợp với nội dung thỏa thuận khác trong Quyết định số 07 là: Gia đình ông Trần D có nghĩa vụ tháo dỡ phần móng lấn sang phần đất nhà ông D1 1,55m x 09cm, điều này phù hợp với sơ đồ mặt bằng hiện trạng nhà ông D, nhà ông D1; thời điểm năm 1998 nhà chính cũ của ông D dài hơn theo hướng Tây nam so với nhà chính cũ của ông D1 là 1,55m và đây cũng chính là đoạn tường có móng bên nhà ông D lấn sang đất nhà ông D1 mà theo Quyết định số 07 nhà ông D buộc phải tháo dỡ. Do đó, có căn cứ xác định ranh giới giữa đất ông D và đất ông D1 gồm 3 điểm, để xác định ranh giới đó bằng cách: Lấy điểm mốc số 1 về phía Tây bắc là mé tường nhà ông D1 kéo đến điểm số 2 là góc tường phía Tây nam giáp tường hậu nhà trên ông D1 và từ điểm 2 này kéo thẳng đến điểm 3 về phía Nam thửa đất như thực trạng hiện nay

các bên đang sử dụng là phù hợp với Quyết định số 07 về 03 điểm mốc gần như là một đường thẳng, vì điểm mốc 2 chênh lệch với điểm mốc 1 và mốc 3 một khoảng cách rất nhỏ.

Ông D cho rằng điểm mốc số 2 là góc tường Tây nam giáp tường hậu nhà ông D1, nhưng tường sát nhau, không có khoảng cách nên điểm số 2 phải nằm trong tường nhà ông D1 5,8cm là thiếu căn cứ. Vì trong biên bản hòa giải thành ngày 8/8/1998 và Quyết định số 07 không có thỏa thuận nào như vậy mà đều thể hiện điểm mốc số 2 là góc tường phía Tây nam giáp tường hậu nhà ông D1, cách thân tường nhà ông D 5,8cm, biên bản hòa giải thành này chính ông D là người trực tiếp ký xác nhận. Hơn nữa, theo Thẩm phán, Chấp hành viên là những người trước đây trực tiếp giải quyết vụ án, giao mốc giới cho hai gia đình khẳng định, tại thời điểm giao đất thì giữa hai gia đình tại điểm 2 có khoảng cách, điều này phù hợp với nội dung biên bản hòa giải thành ngày 8/8/1998 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 07 của Tòa án nhân dân thị xã Hưng yên. Vì vậy. Công văn số 1558 của UBND thành phố H xác định hiện trạng ranh giới sử dụng đất của hai hộ ông D và ông D1 như hiện nay là phù hợp, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bên nào.

Tổng hợp các phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Công văn 1558 của UBND thành phố H ban hành đúng trình tự, có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Trần D; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Trần D thuộc đối tượng không phải nộp án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần D; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Về án phí: Ông Trần D không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, trả lại

cho ông Trần D số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số AA/2014/0000159 ngày 21/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Thái Duy Nhiệm